



Số 2 - Tháng 2.2004

# GIÀO DỤC QUỐC TẾ

## TỜ LIỆU THAM KHẢO

VIỆN NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC – NHÀ HỌC SỞ PHẠM THẠNH PHOẠI HOÀ CHÍ MINH  
115 Hai Bà Trưng, Quận I - TPHCM, ĐT: 8355100 - Fax: 8393883, Email: [ciecer@hcm.vnn.vn](mailto:ciecer@hcm.vnn.vn)

### LỜI NÓI NỮA

Để giúp các nhà nghiên cứu và quản lý giáo dục, các nhà giáo, sinh viên nhà học sở phạm có thể nắm thông tin về tình hình phát triển giáo dục hiện nay ở các nước trên thế giới, bên cạnh "Bản tin giáo dục" (ra mỗi tháng 2 kỳ), bắt đầu từ tháng 1/2002, Viện Nghiên cứu Giáo dục tổ chức biên soạn thêm bản tin **Tờ liệu tham khảo "Giáo dục quốc tế"** bao gồm một số bài viết về các vấn đề quan trọng và có tính thời sự nhằm nêu ra cho giáo dục ở các nước, nước trình bày dưới dạng những bài tổng thuật, lược thuật hay dịch nguyên văn.

**Trung tâm Nghiên cứu & Giao lưu Văn hóa Giáo dục Quốc tế** thuộc Viện NCGD rất hân hoan và nỗ lực giao thiệp hiện bản tin này. Chúng tôi mong nhận được sự công tác và ý kiến đóng góp của bạn đọc để không ngừng nâng cao chất lượng của bản tin.

- 1. Phát triển giáo dục toàn diện: từ thực tiễn đến lý thuyết*
- 2. Nào ta giáo viên cho sự công bằng xã hội và nhà dân văn hóa*
- 3. Allan Luke: Kiến trúc sư của quá trình cải cách giáo dục ở Úc*

# PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TOÀN DIỆN: TỔ THỨC TIỀN NỀN LÝ THUYẾT (Kinh nghiệm ở Hoa Kỳ)

*"Một quốc gia không nở ra một nền giáo dục thoải mái  
cho con em mình tới lúc nào cảm thấy sợ hãi hãi"*

Alfred W. Munzert

## **Giới hạn khái niệm**

"Giáo dục toàn diện" là một khái niệm rất khó để định nghĩa rõ ràng và lâu dài và tùy theo nội dung và mức độ hướng đến mà nó có thể mang những nội dung và ý nghĩa khác nhau. Tuy nhiên, khi nhắc đến khái niệm này, người ta thường chú ý đến những phương diện loại hình nội dung giáo dục và nhận thức về sự cần thiết của việc phát triển con người ở tất cả các lĩnh vực, khía cạnh khác nhau, tổ chức chuyên môn cho nên nó bao gồm, nhận thức, thể chất, kỹ năng nghề nghiệp và ý thức thẩm mỹ. Quan niệm giáo dục này cho rằng việc quản lý và điều hành nên được ưu tiên phát triển một mặt nào đó mà nội dung tâm quan trọng hơn là nên như vậy. Xét theo quan niệm triết học, quan niệm giáo dục này cho rằng con người là một "thực thể toàn diện" không thể chia cắt ra thành từng lĩnh vực biệt lập với nhau, và một nền giáo dục có giá trị và nhận thức sâu sắc phải là một nền giáo dục lấy "con người toàn diện" làm nội dung và mục tiêu hàng đầu.

Trong các thập niên 50, 60 và 70 ở phương Tây, các nước ở Hoa Kỳ nhiều

nhà tâm lý học và giáo dục học đã đề cao quan niệm này mà họ gọi là "giáo dục nhân văn" (humanistic education) hoặc "giáo dục hợp lưu" (confluent education, theo cách dùng của Geogre Asaac Brown). Trong tác phẩm "The Live classroom", G. I. Brown đã trình bày quan niệm giáo dục này một cách thức đơn giản: "Con người có tâm trí, nhận thức. Và con người cũng có cảm xúc, cảm giác. Nếu tách biệt hai lĩnh vực này thì nhiều nội dung cũng có nghĩa là phải nhận một thực thể toàn diện với bản chất của con người. Tích hợp hai lĩnh vực này lại sẽ giúp cho con người thực hiện được bản chất toàn diện của nó. (The live classroom, tr.108).

Về mặt lý thuyết, triết lý giáo dục có tính chất "chủ toàn" nói trên thể hiện một chân lý rất đơn giản về con người nói chung, và cũng trên phương diện lý thuyết, đây là một triết lý rất đẹp về mặt hình thức, lý tưởng, song khi vận dụng vào trong thực tế giáo dục thì lại tỏ ra bất cập, khó khăn nếu hiểu quá nông cạn. Nội dung thể hiện ước muốn tốt đẹp của nhà giáo dục nhiều hơn là các nội dung cần thiết để có thể áp dụng



- Tỉ lệ bồi học ở trường trung học nào nhất tới một con số khác lúc: 50%. Con số 50% này lại nằm trong số những HS tốt nghiệp nhanh giải lao có năng khiếu và tài năng nhất.

- Hiện nay, hàng năm có khoảng 750.000 HS tốt nghiệp trung học có thể coi là thất học hay mù chữ trong số có những em tham chí không học nữa ở trường của chính mình. Con số 20% là tỉ lệ mù chữ ở nông thôn nào tại nông nghiệp trong nền toàn bộ khu vực kinh doanh và công nghiệp.

- Theo một nghiên cứu của chính phủ Mỹ trong năm 1987, nội chiểu trình độ của HS tốt nghiệp trung học của một số nước tiên tiến, có đến 96% số HS của Nhật, Đức, Liên Xô (cũ) đạt một điểm chuẩn trong các môn toán học và khoa học trong khi chỉ có 6% học sinh Hoa Kỳ vượt qua một điểm này.

- Tỉ lệ HS bồi học ngày càng cao, năm mù chữ và những HS không đủ năng lực làm cho quốc gia này thiệt hại đến 84 tỉ đô la mỗi năm, bao gồm các dịch vụ xã hội, các tài sản liên quan đến ma túy, các khoản thuế và trí năng của thế giới về mặt công nghệ của Hoa Kỳ đang ngày càng bị đe dọa bởi số sa sút của hệ thống giáo dục.

Về nguyên nhân, có thể nói rằng, bên cạnh các nguyên nhân văn hóa, xã hội khác, yếu tố lớn nhất gây ra số gia tăng tỉ lệ bồi học trong nền giáo dục Hoa Kỳ chính là vì hệ thống giáo dục này nào không thể nhận nhìn và chấp ứng về mặt cấu trúc những khác biệt cơ bản giữa cách học của những HS có bản chất nào

phải hoạt động trội hơn và cách học của những HS nghiêng về hoạt động nào trái. Trong khi nội hệ thống giáo dục truyền thống về cơ bản là của hệ thống nào trái, do nội chế những HS có thiên hướng hoạt động nào trái mỗi gặp nhiều thuận lợi trong hệ thống giáo dục này và ngược lại, nội với những HS có thiên hướng hoạt động nào phải, thất bại trong học tập hoặc không thích nghi nữa với môi trường giáo dục của nào trái là một lẽ đương nhiên. Nhưng, về mặt khoa học cũng nhờ nào lí, không thể qui trách nhiệm về số "thất bại" hoặc "không thể thích nghi" này cho chính bản thân HS có nội thiên hướng trội về nào phải, mà phải tìm thấy nguyên nhân của vấn đề ở chính bản thân của nền giáo dục, ở cấu trúc chương trình và phương pháp giáo dục không tính đến những khác biệt có tính chất khác nhau giữa các nội thiên hướng giáo dục khác nhau, khác biệt về tài năng sinh lí và hoạt động chức năng của hệ thần kinh cao cấp.

Do không thích hợp với hệ thống giáo dục thiên về nào trái, những HS nào phải này, cho dù có rất thông minh và sáng tạo, vẫn bị xem là "chậm hiểu" hoặc "không có khả năng học tập" và thông thường bị gài sang một bên, và nếu không may mắn nữa, sẽ trôi thành kẻ không bên nào của quá trình phát triển giáo dục. Nếu phải ứng lại với số "thất bại giáo dục" giữa nội một số HS trội thiên hướng phải phải, gây rối, và một số khác tin rằng hệ thống giáo dục là hoàn toàn ngớ ngẩn và vô ích, tới loại mình ra khỏi cuộc chơi hoặc bồi học hoàn toàn. Dùng theo hình ảnh so sánh của A.W.Munzert,

những HS nào phải này giống như một chiếc cốc trong những láir bỏ cói trong vào một cái loai trong hoặc quai lôn hoặc quai nhỏi với hoi.

Tại các trường này ra một thí dụ này minh họa sự khác biệt cơ bản trong cách học giữa HS nào trai và HS nào phải. Chẳng hạn như trong một lớp học toán, thầy giáo viết lên bảng một bài toán và một loạt các tập số có thể. Một HS nào phải phải trả lời nhanh chóng và ngay vào tập số này. Những khi thầy giáo yêu cầu trình bày cách tìm tập số HS nào không thể giải thích được. Bảng trắc nghiệm, nó biết rằng nó là tập số này. HS này nắm lấy tổng thể bài toán và bảng trắc nghiệm nhận ra tập số này những không thể giải thích quá trình, hoặc nếu có giải thích thì cũng rất lúng túng, rồi rậm, khó hiểu. Do vậy thầy giáo kết luận rằng nó chỉ “nắm một” và “ăn may” chứ không có khả năng giải toán một cách rõ ràng, logic và mạch lạc như những HS thuận và nào trai. HS thuận và nào trai có xu hướng diễn giải sự vật theo trình tự các chi tiết trong khi HS thuận và nào phải lại có xu hướng nắm trọn toàn thể một khái niệm, sau đó mới đi ngược lại và mô tả các thành phần của vấn đề.

### ***Nhà tìm một cơ sở khoa học giải pháp “giáo dục toàn diện”***

Giống như trong lĩnh vực “y học toàn năng” (holistic medicine), một quan niệm y học xem con người là một thể toàn diện không thể chia cắt (whole person) và mỗi phương pháp đều trở

phải nhằm đến cái toàn thể nơi chổ không chắt lọc trung vào việc chữa trị triệu chứng đơn thuần của một thể bệnh, giáo dục toàn diện cũng nơi hoi trở về hết về mặt tổ chức phải xem con người như một thể thể này hợp, không thuận nhất về mặt cấu trúc xã hội cũng như tinh thần. Do vậy tổng thể tính chất thể hợp như thể này các phương pháp giáo dục cũng phải hết sức đa dạng, uyển chuyển và có khả năng phù hợp với nhiều nơi tổng khác nhau.

Trong một công trình nghiên cứu nổi tiếng cách này hơn 20 năm, nhà thần kinh học Roger Sperry (được giải thưởng Nobel 1981), bằng những thí nghiệm và nghiên cứu về những người não chia tách (split-brain subjects) đã chứng minh một cách khoa học rằng hoạt động chức năng của hai bán cầu não khác biệt nhau. Thật ra, trước Sperry, đã có nhiều tác giả khác nhau thuộc các lĩnh vực tâm lý, thần kinh, ngôn ngữ (như biết là ngôn ngữ – thần kinh học) đã trình bày dưới hình thức này hoặc hình thức kia một lý thuyết như bên (lateralization) về nào theo nội vị trí của sự như bên khác nhau sẽ dẫn đến những hoạt động chức năng khác nhau. Cùng với lý thuyết như bên (localization), lý thuyết như bên này đã góp phần quan trọng vào việc làm sáng tỏ các hoạt động chức năng của não nói chung cũng như của từng bộ phận, từng vùng trên não nói riêng.

Ngày nay, các nhà khoa học tâm thần, lý thuyết về sự chuyển biệt hóa của hai bán cầu não (như các giác quan là hai loại trí tuệ khác

nhau) nên những khoa học thực nghiệm chứng minh là có cơ sở và sẽ khám phá ra những cái mà quan trọng hơn là trong lãnh vực giáo dục, bước chúng ta phải suy nghĩ lại về việc xây dựng chương trình và phương pháp giáo dục trong nhà trường. Khám phá này cũng cho thấy cái mà chúng ta thường gọi là “trí thông minh” không phải là một khái niệm đơn nhất, có thể xác định một cách đơn giản bằng những thông số đơn giản. Nói cách khác, không phải chỉ có một loại trí thông minh duy nhất có thể áp dụng cho nhiều lãnh vực khác nhau, mà trong thực tế là có nhiều loại trí thông minh khác nhau, ít nhất là hai loại trí thông minh cơ bản mà mỗi đời là hai bản cầu nào trái (tổng trọng cho trí thông minh lí trí của phương Tây), “Western rationality) và bản cầu nào phải (tổng trọng cho trí thông minh cảm xúc của phương Đông).

Sẽ khác biệt cơ bản của các hoạt động chức năng giữa bản trái và bản phải có thể được tóm tắt như sau:

<b>Bản cầu nào trái</b>	<b>Bản cầu nào phải</b>
- Thời gian	- Không gian
- Trí nhớ	- Tróc giác
- Lời nói	- Ngoài cảm
- Ngôn ngữ	- Tình cảm
- Con số	- Thái độ
- Tính toán	- Phối hợp của cơ thể
- Sắp xếp	- Năng lực thính giác
- Nói kết	- Nghe hiểu
- Tuyến tính, tuần tự	- Phi tuyến tính, tạm thời
- Phân loại	- Cô trí
- Lí luận	- Nhịp điệu, âm nhạc
- Phân tích	- Tổng hợp
- Cử thể	- Trừu tượng
- Bất chính	- Sáng tạo

Sẽ chuyển môn học chức năng nói trên không còn hóa là mỗi bản cầu nào nếu hoạt động nào lặp với bản cầu kia. Thực tế trong mỗi bản cầu nào có một vùng nhồi hoặc thối yếu có thể nằm trên các chức năng của nó bản kia. Thí dụ như một số hoạt động ngôn ngữ có thể được qui về bản nào phải, và một số hoạt động thính giác – không gian có thể được qui về bản nào trái... Nói chính xác hơn, các đơn vị nào nào có các hoạt động chức năng khác biệt nhau, nhưng khi tiến hành các hoạt động trí tuệ nói chung thì cả hai bản cầu nào nếu hoạt động tổng tác với nhau, và mỗi bên nếu không góp “phần riêng” của mình vào kết quả chung của tiến trình nhận thức. Như tâm lí học Levy đã đưa ra một thí dụ sau đây: Khi chúng ta đọc một cuốn truyện (tiểu thuyết hoặc truyện ngắn), bản cầu nào phải đóng vai trò là biệt lập giai mà thông tin thính giác, duy trì cấu trúc toàn thể của câu truyện, thông tin nội dung cảm xúc hoặc có tính chất khối của câu truyện, rút ra những ý nghĩa từ những liên tưởng trong quá khứ cũng nhờ hiểu được ý nghĩa của các ẩn dụ. Cùng lúc này bản cầu nào trái đóng vai trò giải mã cú pháp, ngữ âm hoặc chữ viết và rút ra ý nghĩa từ những mối quan hệ phức tạp trong cú pháp và các khái niệm về từ. Nói tóm lại, khi một hoạt động trí tuệ xảy ra thì không phải chỉ có một bản cầu nào duy nhất tham gia mà luôn luôn có sự phối hợp với những tác động chức năng khác nhau của cả hai bản cầu nào.

Nhờ vậy, cần có tính chất tổng tác trong hoạt động của hai bản cầu nào

nhờ vấn đề nói trên, có thể nói rằng một chương trình và phương pháp giáo dục thích hợp về nhà trái nhảu nâng nấc áp dụng rộng rãi ôi nhiều nên giáo dục của các nấc trên thế giới không chừ hai cho những HS trái về nhà phải mà còn bắt lỗi cho chính những HS thuận về nhà trái vì bản câu nừ phải của họ không có cô hội phát triển cân bằng với bản câu nừ trái vốn rất mạnh của họ. Nừ là lí do giải thích tại sao có nhiều ngừ cho rằng nên giáo dục hiện nay là một nên giáo dục mất quân bình. Nhờ vậy, số lần át của bản câu nừ này so với bản câu kia phần lớn là do kết quả của việc học tập và rèn luyện trí tuệ chừ không phải do gen di truyền.

Nừ kết luận, có thể nói rằng một giải pháp giáo dục nừ gọi là "toán điển" phải là một giải pháp có tính này nừ nên số phát triển nừng của cả hai bản câu nừ và nừc biệt phải tính nên những nừc nừm vô át trái của một bản câu nừ này so với bản câu nừ kia của tổng nừc tổng HS khác nhau. Nói cách khác, phải có cách nừnh giải nừp lí hôn và khoa học hôn về cái gọi là số "thành công" hay "thất bại" trong học tập của tổng nừc tổng HS cũ thể nghĩa là không thể xây dựng một tiêu chuẩn nừnh giải chung cho tất cả các nừc tổng HS khác nhau.

### **Phương pháp giáo dục dành cho những học sinh có tố duy nừ phải trái hôn**

Theo nừc xuất của A.W.Munzert, nừc tôi nừc hỏi chất lượng học tập, những HS cũn nừc phải trái hôn cũn phải trái qua tất cả các giải nừc học tập nhừ sau:

#### **- Giải nừc 1: Nhập dữ liệu**

Giai nừc này có thể nừc thực hiện bằng ba kênh lắng nghe, nhìn và nừc. Phải bản nừc tất cả các kênh nừc nừc số dụng hết công suất của nừc nhằm một khối dữ liệu tối nừc và chính xác nừc "nhập" vào trong bộ nừc của HS. Tuy nhiên theo tổng nừc nừm của nừc tổng HS (thí dụ nừc với HS thuận bản câu nừc phải, cũn nừc "nừc" tởra cũ nhiều quai nhất) mà áp dụng những biện pháp nhập dữ liệu thích hợp nhất.

#### **- Giải nừc 2: Xử lí dữ liệu**

Kinh nghiệm cho thấy việc xử lí dữ liệu giữa HS nừc trái và HS nừc phải là hoàn toàn khác nhau. Khác với HS nừc trái thông xử lí chi tiết hoặc bỏ phần trước rồi mới nừc nên toán thể sau, HS nừc phải lại xuất phát tở toán thể và thể thống trước rồi sau nừc mới nừc phần tích chi tiết và bỏ phần. Ôi HS nừc phải, tở duy hệ thống thông nừc trái hôn, do nừc ngừc dạy phải nắm lấy nừc trọng này nừc có thể giải dạy một cách hiểu quai nhất. Khả năng xử lí dữ liệu bằng trực cảm của HS nừc phải cũng thông hay xây ra.

#### **- Giải nừc 3: Xuất dữ liệu**

Nừc ôi HS nừc trái dữ liệu nừc tại hiện trong giải nừc 3 này thông không khác nhiều so với dữ liệu nừc nhập vào trong giải nừc 1 thì ôi HS nừc phải khối dữ liệu trong giải nừc 3 này thông nừc bổ sung thêm nhiều thông tin mang nừc dấu ấn chủ quan của tại giải. Cũn nừc xuất dữ liệu thông nừc dụng nhiều nhất là nừc và viết bên cạnh các hoạt nừc ngoài ngừc khác.

Về mặt quá trình, một nền giáo dục nước ngoài điển hình bao gồm năm đến ba giai đoạn như sau: trước hết là giai đoạn chuẩn bị, tiếp theo là giai đoạn phân tích những gì đã xảy ra trong hai giai đoạn trước. Nếu vượt qua hai giai đoạn này thì sẽ là một giáo viên tin cậy và khoảng 20% số giáo viên hiện nay. Ngược lại, chỉ những HS tham gia các giai đoạn và các bài học hoàn thành tốt những yêu cầu đặt ra trong giai đoạn 3 (nhờ thảo luận, soạn bài...) thì sẽ là một giáo viên tin cậy đến 90%.

Ý nghĩa của các bài học ba giai đoạn này là giai đoạn ba (xuat liệu) cho phép HS có thể phải trải nghiệm một số vấn đề thực tiễn, nhiều cần thiết sống còn với đời.

Những phương pháp ba giai đoạn này thông rất nhiều áp dụng ở những lớp học có số lượng HS khá đông, và nếu cải tiến tình trạng này, chúng ta phải cấu trúc lại hệ thống giáo dục một cách sâu sắc và toàn diện hơn cho giáo dục nước ngoài GV/ HS một cách hợp lý hơn. Số môn học cần phải giảm bớt để tăng chất lượng học tập nhiều hơn nhờ áp dụng các phương pháp giáo dục thích hợp.

Phương pháp giáo dục nhỏ và khoảng cách làm giảm tải HS có thể duy nhất phải trải nghiệm mà còn thực tiễn nhanh hơn tốc độ học của HS có thể duy nhất trải nghiệm.

Nội dung phong phú áp dụng phương pháp giáo dục này là trường nữ học Hawthorne tại thành phố Salt Lake.

Năm 1986, trường nữ học Hawthorne đã áp dụng rất thành công chương trình 2+2. Học sinh trung học nữ hoàn tất lớp 10 nước ngoài và kỳ thi vào một trường các bài học trung học cao đẳng hai năm với phương pháp ba giai đoạn nhỏ như một tài liệu. Trong một chương trình hai năm, HS không cần hoàn tất chương trình trung học mà còn đạt tới cấp cao đẳng 2 năm. Ở đây, HS nước ngoài vào những lớp nhỏ từ 10 đến 12 em chung quanh một bàn học theo kiểu học tập chuyên nghiệp của SV sắp tốt nghiệp. Trong không khí học tập có tính chất dân chủ và tự do này, HS nước ngoài tham gia sâu sắc vào quá trình dạy học, có thể nói lên bất cứ những gì các em nghĩ trong đầu mà không sợ bị cười một số trích hay phê bình nào. Cứ mỗi giờ học trong lớp nhỏ hai đến ba giờ ngoài giờ ngoài lớp. Mỗi học kỳ HS học hai môn học rất chuyên sâu và môn học nước ngoài ngay trong học kỳ. Qua ba học kỳ một năm, HS hoàn tất nước ngoài môn học. Mỗi bài giảng đều ngang với trình độ nước ngoài học. Kết thúc mỗi môn học, HS phải trải qua một kỳ thi trình độ cấp quốc gia. Gần 80 % số HS nước ngoài theo chương trình này lúc ban đầu là những HS cần phải trải nghiệm và bồi dưỡng hoặc nâng cấp nguy cơ thất học. Nhiều em trước đây là HS nước ngoài C, D hoặc thậm chí F trong trường trung học. Và sau một thời gian ngắn, với phương pháp giáo dục mới, các em đã tiến bộ vượt bậc, nhờ bằng chứng kể sau đây cho thấy.

(xem tiếp trang 12)



# NẠO TẠO GIÁO VIÊN CHO SỞ CÔNG BÀNG XÃ HỘI VÀ ÑA DẶNG VÈ VẠN HOA

*Ồu baát còu nòu nạo trên theá giòu, giáo viêñ ngay nay ñang phai ñòu diên vòu ñhòng nghiêm vui hê sòc phòc tạp trong mòi tròong toan câu hoa. Bañ tin Tô lieú Tham khaió Giáo dưc Quóc teá xin giòu thiêu quan niêm veà vãn ñeànay của bà Anne Hickling-Hudson, giáng viêñ cao cấp Tròong Ñai hóc Kyù thuáñ Queensland (Út), chủ tịch Ủy ban Quóc teá của Hiêp hòu Giáo dưc So sanh (WCCES).*

Trong soá ñhòng nghiêm vui phòc tạp mào các nhaó giáo phai ñòong ñau, hán laó hoi phai ñhán thay chuiñghóa phaiñ biêt chuiñg tòc và chuiñghóa ñò chuiñg veà vãn hoa laó ñhòng lóc cain mãnh meñhát ñòu vòu viêc giáng ñay của hoi và viêc ñòu ra mòi chòong trình ñhám ñòu phoiñ mòi cách saing taó vòu ñhòng tò ñòong và thoiñ quen baó thuì trong vãn ñeà chia seú các giáo trò và ñhìn ñhán theá giòu theo ñhieu cách khác nhau. Hôn ñòu, các nhaó giáo dưc khòng theá hoat ñòng còu hiêu quai mào khòng còu ñhòng hòp taic ña phòong. Ñieu nay cho phêp hoi thu huì ñhòng kyù ñang của phui huynh hóc sinh và của còng ñòng xã hoái ñeà hoat ròi cho sò ña ñang hoái chòong trình hóc, khaiñ ñònh sò ña ñang hôn laó ñòuñ hay lam giáim giáo trò của ñòu và cái thiên mòi quan hê xã hoái giòu các hóc sinh vòu ñhau.

Khòng may laó ñhieu chòong trình ñaó taó giáo viêñ laí hê sòc yeú keim trong viêc chuiñn bò cho sinh viêñ sò phaim giáo quyet ñhòng nghiêm vui phòc tạp của viêc giáng ñay trong mòi tròong ña vãn hoa. Ñeà tuyen chieñ vòu chuiñghóa vò chuiñg, chòong trình ñaó taó giáo viêñ ña vãn hoa seú phai

ñay quan niêm phê phaiñ vãn hoa ñeà giup cho sinh viêñ ñhán thòic ñòu còng con ngòu của taí cái mòi ñeà vãn hoa ñeà còu cho mãnh và cho yeú, còng mòi ngòu ai còng ñeà hoat ñòng trong vong ñhòng cách ñhán thòic cù theá của ñaí tòc mình. Chuiñg ta laó mòi phaiñ của ngoá lang toan câu theo nghóa của giao thoa vãn hoa hiên ñai, và ñhòng ñeà vãn hoa ña ñang seú lam phong phui sò hiêu biêt của chuiñg ta veà theá giòu. Taí cái mòi ñeà vãn hoa ñeà khoi traih khoi ñhòng ñòng lóc lam thay ñòu. Ngòu ta cam thay tò tin hôn khi ñhòng thanh tòu hoac veú ñeà của ñeà vãn hoa của mình ñòu khaiñ ñònh, còng ñò khi hoi ñòu ñaó taó ñeà giáo quyet ñhòng mãu thuain.

Ñeà còu theá thiêt keá và tiên hanh ñhòng chòong trình ñaó taó giáo viêñ ña vãn hoa, các nhaó giáo dưc cain thòc hiên ñhòng nghiêm vui sau:

- *Toá chòc ñhòng khoai hóc còu cấp báng ñeà ñhien còu ña vãn hoa tròu thanh mòi yeú câu baít buoc. Tri thòic và quan niêm ña vãn hoa khòng theá ché laó mòi hai mòi tò chòin trong chòong trình ñaó taó giáo viêñ, mào phai ñòu ñaó mãnh trong mòi thanh tòu của chòong trình giáo dưc sò phaim, trong mòi chuyen ngành còng ñò trong các mòi chung ñò tam lyù và giáo dưc hóc, và trong cai hoat ñòng thòc tạp.*

- *Lien ket lịch sòu của cuoic soing vòu ñhòng phaiñ tích xã hoái và thiêt keá chòong trình hóc. Chuiñg ta ñeà ñhò sinh viêñ sò*

phản ánh một cách sâu sắc bản chất tồi tệ của những kinh nghiệm văn hóa sinh sống thông qua việc nghiên cứu chính tôi truyền của mình hoặc tiêu sấu của người khác. Hai nước đang ứng dụng cách phản tích xã hội thời hậu thực dân vào lịch sử cuộc sống, nên phản ánh quá trình lịch sử của sự hình thành văn hóa. Đây sẽ là nền tảng để luyện tập sự nhạy cảm về văn hóa trong tổng lại.

- *Xây dựng những cách nhìn nhiều chiều trong các chương trình nghiên cứu sau đại học.* Trong những chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ, cần phát triển nhu cầu và giảng dạy về văn hóa và linh hoạt, tuyển chọn với những nghiên cứu theo chủ nghĩa thực chứng hẹp hoặc thông loại trừ những tri thức sâu sắc của những nền văn hóa không phải là văn hóa phương Tây. Tesdale<sup>1</sup> đã đưa ra một ví dụ thú vị về chương trình đào tạo thạc sĩ giáo dục do một nghiên cứu sinh người bản địa thuộc phía Tây nước Úc thực hiện sau khi có lấy bằng đại học thối nhất về nghệ thuật. Là một nghệ sĩ ngoài hàng, y tá của cô tuổi trẻ qua cái cô về mình mỗi ngày nhiều so với qua những gì cô nói hoặc viết. Cô nước phép "vết" lý thuyết của mình trên mặt vải, cùng với những phản ánh bằng văn viết của cô về những nghiên cứu thực địa thực giảng dạy của vùng đất mà cô sinh sống. "Kết quả cuối cùng là một bài báo nghiên cứu hết sức ngắn gọn và mạnh mẽ về nền giáo dục của những người bản địa Úc trẻ tuổi" (Tesdale, 2002).

<sup>1</sup> Tesdale, G.R.(2002) "Tension between the local and the global: the challenges for international educators", Bài báo chính tại Hội nghị hàng năm lần thứ 13 của Hiệp hội Giáo dục Quốc tế tháng 12, tại Tasmania.

- *Xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa trường sở phẩm với nhà trường phổ thông, viên chức chính phủ và những tổ chức khác trong cộng đồng.* Kỹ năng giao tiếp về văn hóa có thể được xây dựng thông qua quan hệ cộng tác. Chẳng hạn, nhà nước, cộng đồng giáo viên và nhà trường ở Queensland (một bang của nước Úc) đã hợp tác để tổ chức một hội thảo hai ngày về văn hóa cho các nhà giáo viên chia sẻ ý kiến của mình qua việc phân tích chủ nghĩa phân biệt chủng tộc trong giáo dục. Nhờ hội thảo tìm ra giải pháp để giải quyết những vấn đề liên quan đến chủng tộc và văn hóa trong chính trường mình.

Từ quan niệm thời hậu thực dân, các nhà giáo có thể cho rằng nhu cầu nước chuẩn bị cho những mối quan tâm có tính toàn cầu sẽ đạt lợi ích sinh thái và văn hóa xã hội của hạnh phúc này lên trên những mục tiêu nước quan niệm một cách chặt chẽ của mỗi quốc gia. Quan niệm hậu thực dân hay là hậu hiện đại (post-colonial/postmodern perspectives) trong chương trình giáo dục sẽ xây dựng trên chủ nghĩa văn hóa. Giáo viên và học sinh đều cần học cách nhìn nhận văn hóa và tham gia vào các mối quan hệ theo quan niệm văn hóa. Sinh viên sẽ phẩm và giáo dục sẽ hướng dẫn của hội sẽ không chỉ thực hiện một cuộc hành trình cộng tác trong việc tuyển chọn tích cực cho sự phê phán xã hội-văn hóa, mà còn học cách tiếp nhận và nắm giữ những nguyên tắc cốt lõi của môi trường, coi những nguyên tắc nền tảng là một phần những gì xác định nên hình ảnh của chính mình.

Anne Hickling-Hudson  
TS. Phạm Thị Ly dịch

Nguồn: IIEP Newsletter, September 2003

## Allan Luke: Kiến trúc sư của quá trình cải cách giáo dục Úc

Là một nhà giáo dục Úc nổi tiếng hoạt động ở bang Queensland, Allan Luke xuất thân từ một nguồn gốc rất đa dạng về mặt văn hoá: lớn lên trong cộng đồng người Hoa ở thành phố Los Angeles (Mỹ) trong thập niên 50, sau khi tốt nghiệp tiếng Anh tại bang California, Allan Luke chuyển đến Canada để dạy học trong các trường tiểu học và trung học ở đây, rồi sau đó trở về nhà ở Simaan Fraser để hoàn thành bậc sau đại học. Chính tại đây, ông bắt đầu và tham gia vào công việc nghiên cứu khoa học về giáo dục: xã hội học và giáo dục các kỹ năng đọc và viết (the sociology of literacy education). Allan Luke quan niệm bất cứ một nền giáo dục nào, không phân biệt giới tính, tôn giáo, chủng tộc, văn hoá, dù đó là giáo dục tri thức hay giáo dục nghề nghiệp, cũng đều phải lấy sự đọc và sự viết làm căn bản và đây chính là một lĩnh vực cần phải quan tâm nhiều nhất không phải chỉ trên bình diện thực tiễn mà còn cả về mặt nghiên cứu khoa học. Ông cho rằng trong một thế giới đang biến đổi với các phương tiện thông tin và ảnh hưởng của truyền thông, thì việc dạy cho trẻ em một “khoa học – viết có tính chất phê phán” (critical literacy) là một nhiệm vụ cần thiết để cho các em có thể tự mình nhìn nhận và sống trong một thế giới luôn luôn có

nhiều sự thay đổi. Do bởi có những đóng góp to lớn trong lĩnh vực này, ông đã được Hiệp hội quốc tế về đọc (International Reading Association) tuyên dương nhờ là một trong những người đi tiên phong và có những công trình nghiên cứu sâu sắc về văn hoá này.

Năm 1984, cùng với gia đình, Allan Luke di cư tới Úc và tham gia giảng dạy ở nhà ở James Cook tại miền bắc bang Queensland trong một thời gian khá dài là 10 năm. Ở đây ông cũng tham gia vào công việc giảng dạy và nghiên cứu cho người bản xứ là những người đã sinh sống ở vùng đất này. Năm 1996, ông gia nhập vào trường đại học nổi tiếng Queensland và trở thành một trong những nhà giáo dục học có nhiều công trình nghiên cứu khoa học nhất. Ông đã viết 13 quyển sách khác nhau với một nội dung phong phú bao gồm từ các vấn đề dạy học dạy viết, phân biệt chúng ta cho nên những vấn đề như hoạch định ngôn ngữ và chính sách giáo dục. Ông cũng có nhiều công trình nghiên cứu khoa học thuộc trường đại học Queensland trong thời gian làm việc tại trường và giáo dục cho các trường giáo dục bang Queensland.

Trong các năm 1999-2000, với tư cách là phó tổng giám đốc về giáo dục của bang Queensland, Allan Luke là một trong những kiến trúc sư chính của hàng loạt các cuộc cải cách giáo dục quan trọng và những cuộc cải cách này và đang có một

taic ñoing khai sau ñaim ñoi vói các tröông hóc ôubang Queensland noi rieg va cáu heá thöng giao duc của Úc noi chung. Noi bat nhất trong các cuöc cái cách giao duc ôubang Queensland va möt döi ain ñöc goi la "Cái ban môi" (New basics) ñang ñöc thöi nghiem tai 59 tröông hóc. Döi ain "New basics" nay bao gom ba chöông trình giao duc ma hóc sinh cái phải trải qua ñeá coi theá thích öng va phải triển ñöc trong thöi ñai hiện nay. Ñöi la ñöc chöông trình ve

\* Hóc ñeá hiểu biết veá chính bản thân mình va hiểu ñöc lam theá na ñeá coi theá thích hóp vói theá gioi hiện ñai.

\* Hóc cách giao tiếp va truyền thông vói nhau

\* Hóc ñeá hiểu biết quyen löi va trách nhiệm của bản thân mình

\* Hóc ñeá coi khai ñang möt ai phân tích va taic ñoing lein theá gioi ôu chung quanh mình.

Ñieim cot löi trong döi ain nay la tö tööng cho rang hóc sinh cái phải thöc söi dan thân va ñöc ñeá coi tính chat thöc tien hoac lí thuyet va ñöi la ñöc ñeá coi khai ñang liên ket HS vói theá gioi bên ngoai, ñöc ñeá không bì gioi hạn bởi các ranh gioi chat hep của các böi môn khoa hóc. Ñeá phöng pháp dạy hóc coi hiểu qua ñöc hóc sinh thuoct theá heá möi coi tính chat "hau hiện ñai", ñöc hóc sinh biết roi veá möt chöông trình âm nhạc trên TV hôn la veá taic giao Shakespeare. Cüng cái phải ñeá biết chui yu ñeá tính ña dang của gööi hóc, ñeá biết la ñoi vói möt quốc gia ña văn hoa ñöc Úc.

Allan Luke cüng la gööi ñeá xöing möt phöng pháp giao duc ñeá biết ñam giai quyet tình trang qua tai của chöông trình giao duc. Ñöi la phöng pháp ma öng goi la "ít la ñieu" (less-is more approach) theo ñöi ñeá tröông cái phải tö böi löi dạy tham lam kien thöc, öm ñöc va ñöc ñeá möi thöi ma không kien nghiem xem ñöc thöi ay coi thöc söi la cái thiết cho HS hay không. Theo öng, cái phải cái coi va ñöc möc tieu möi của ñeá giao duc va ñöc ñeá tröng của thöi ñai hiện nay ñeá tính löc ñöc kien thöc ñang ñöc giảng dạy trong nha tröông hiện nay, va ñeá chui yeu la phải dạy theo chieu sau ñeá coi theá ñat ñeá hiểu qua giao duc öm möc cao nhất. Dạy ít, hóc ít ñöc dạy va hóc coi chieu sau thì ñeá ñöc bao gio cüng töi hôn la dạy hóc öm ñöc ñeá möi thöi kien thöc ñöc lai hoi hoi, ñöc cái hoac chæ coi tính chat hình thöc. Ñöc cuöc cái cách giao duc ñam giai tai khoi löng kien thöc trong các chöông trình giao duc ñöc thöc hiện öm möt söi ñöc Chau Ai (Han Quoc, Thai lan...) trong thöi gian gần ñay cüng ñai ñi theo chieu höing ñöc Allan Luke ñai ñeá ñöc.

Do ñöc ñöc göp quan trong va ñeá tien trình cái cách giao duc ôu Úc, ñaim 2003, Allan Luke ñöc tăng thöing huy chöông giao duc Úc va ñöc tạp chí "The Bulletin" ba la möt trong 100 ñaim va löi laic nhất của ñöc Úc trong ñaim 2003.

**TS. Nguyen Ngoc Thanh** dịch  
(Nguon: The Bulletin with Newsweek,  
28/10/2003)

(tiếp theo trang 7)

Ngày nay, những HS trẻ nào phải nài qua công trình của nài học Hawthorne nài thóc sỡ nài những kè lúc quốc gia. Không chæ nhiều em trong số nài nài nài trên 50% của các ky thi tốt nghiệp nài học mà 95% số HS nài nài hoàn tạt công trình với nài số trung bình từ 3 nài 4 trên thang nài 5.

Các kết quả của Hawthorne có ý nghĩa nài biết nài với hệ thống giáo dục Hoa Kỳ và cung cấp một cách giải quyết vấn đề bồi học của những HS trẻ nào phải vào sỡ xuống cấp của hệ thống giáo dục. Công trình nài tiên hành năm năm công minh rằng chúng ta có thể "cõu" nài những HS trẻ nào phải tài năng và sáng tạo bằng cách sử dụng phương pháp giáo dục có giải khoa học nài trong trường trung học.

Moàn	Vấn minh phòng Tày	Luan vấn	Khoa học nhân vấn
Thang nài quốc gia	20-80	20-80	200-800
Nài nài ky	29	31	270
Nài theo thang nài 100 cấp quốc gia	1	4	1
Nài cuối ky	57	51	547
Nài theo thang nài 100 cấp quốc gia	75	53	84
Số phần trăm tâng của nài thi	97%	65%	103%
Số nài tâng theo thang nài 100	74	13	83

**TS. Nguyễn Ngọc Thanh** tổng thuật từ

- Alfred W. Munzert: 4 træk nghiệm kiểm tra trí thông minh (2003)

- Rita L. Atkinson: "Nhập môn tâm lí học" (Introduction to Psychology, 1993)

- Howard Gardner: "Nghe thuật, tâm thức và não" (Art, mind and brain, 1982)

Tõ liệu Tham khảo Giáo dục Quốc tế mong nài nài sỡ công tác và bài với thông tin và nài xet gop ý của các bộ giáo viên và sinh viên trong trường.

Mõi thờ tõi bài với xin liên lạc :

**Trung tâm Nghiên cứu và Giáo dục**

**Vấn học Giáo dục Quốc tế**

**Viện Nghiên cứu Giáo dục (Nài Học Sở Phạm TPHCM)**

Nòa chæ : 280 An Đông Võng, Quận 5, TPHCM, Việt Nam

NT: 8355100 Fax : 8393883 E-mail : [ciecer@hcm.vnn.vn](mailto:ciecer@hcm.vnn.vn)

Website : [www.ciecer.org](http://www.ciecer.org)

LỜ HANH NÀI BỒI